

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 24 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Sơn Mút**

2. Ông **Lương Phi Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thuý Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “**Tranh chấp ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **L* Y** N****, sinh năm 1997; Nơi cư trú: x KT, h UM, tỉnh Cà Mau – Xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **V* Đ** T******, sinh năm 1995; Nơi cư trú: a ĐL, x ĐB, Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 04 năm 2024, chị **L* Y** N**** trình bày: Vào năm 2020 chị **N**** và anh **V* Đ** T****** quen biết, tìm hiểu

nhau sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long số 32 ngày 08/6/2020. Quá trình chung sống, chúng tôi không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng tôi thường xuyên cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị N** yêu cầu được ly hôn với anh V* Đ** T****.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị L* Y** N** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh V* Đ** T**** có đơn xin giải quyết vắng mặt và có bản khai ý kiến trình bày: Anh T**** đồng ý ly hôn với chị N**; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Anh T**** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị L* Y** N** và anh V* Đ** T**** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa chị L* Y** N** và anh V* Đ** T**** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Nhi, anh Trọng có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên thường xuyên cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N**. Cho chị L* Y** N** được ly hôn với anh V* Đ** T****.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Chị N** và anh T**** tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N** và anh T**** tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L* Y** N** phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012635, ngày 08/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị N** không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L* Y** N**. Cho chị L* Y** N** được ly hôn với anh V* Đ** T****.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Chị N** và anh T**** tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị N** và anh T**** tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. .
5. Về án phí sơ thẩm: Chị L* Y** N** phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0012635, ngày 08/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị N** không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TX Bình Minh;
- UBND xã Đông Bình, thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết